

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày 23-9-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản giữa Ngân hàng NNPT với
ông Phạm Văn Tá”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Đoan

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXX -DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NNPT

Địa chỉ trụ sở chính: Số X, L, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc H

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện Q

Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo- Pc ngày 27/3/2019 của Tổng giám đốc NNPT

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Lương Phú T1

Chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch M

Theo văn bản ủy quyền số 12/UQ ngày 10/3/2022.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn T2 sinh năm 1965

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Đoàn Thị A sinh năm 1968

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt ông T1; vắng mặt ông T2 và bà A – không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Lương Phú T1 - đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Văn T2 bà Đoàn Thị A là vợ chồng.

Ngày 06/02/2018 ông Phạm Văn T2 có ký Hợp đồng tín dụng số 3406LAV201800694 với Ngân hàng NNPT– Chi nhánh huyện Q Bắc Thái Bình – Phòng giao dịch khu vực M (Ngân hàng) số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), để sử dụng vào mục đích bổ sung chi phí đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn nái, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 06/02/2018, ngày giải ngân 07/02/2018; lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm.

Khi vay vốn, ông T2 có dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng 316,6m² đất ở, nhà ở 02 tầng mái bằng công trình phụ và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Phạm Văn T2 và bà Đoàn Thị A. Theo hợp đồng thế chấp số 05/HĐTC giữa Ngân hàng và ông T2, bà A được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã C vào ngày 29/11/2017, đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Q ngày 30/11/2017. Do trước đó ông T2 đã vay tại Ngân hàng và có thế chấp tài sản như hợp đồng thế chấp số 05/HĐTC nên lần vay này Ngân hàng không làm hợp đồng thế chấp mới nữa vì trong phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 06/02/2018 có nội dung đã xác định: Bên B (ông T2), tự nguyện dùng tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bên B tại các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa 2 bên tại thời điểm trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 08/02/2019 ông T2 không trả lãi cho Ngân hàng nên phải chịu lãi suất nợ quá hạn từ ngày 09/02/2019. Tính đến ngày 10/01/2022, ông T2 nợ Ngân hàng số tiền là: Gốc 300.000.000 đồng; lãi suất nợ trong hạn + lãi suất nợ quá hạn 122.418.492.000 đồng; tổng cộng 422.418.492 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo đòi nợ và tìm cách liên hệ với ông T2 nhưng không có kết quả. Ông T2 cố tình không thực hiện việc trả nợ, gây khó khăn cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 23/9/2022, ông T2 nợ Ngân hàng số tiền: gốc 300.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 145.763.014 đồng, lãi suất nợ quá hạn 57.174.657 đồng. Tổng cộng 502.937.671 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải:

1. Thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 23/9/2022, gốc 300.000.000 đồng; lãi trong hạn 145.763.014 đồng, lãi suất nợ quá hạn 57.174.657 đồng; tổng cộng 502.937.671 đồng.

2. Buộc ông Phạm Văn T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 06/02/2018 cho đến khi ông T2 thực tế trả hết toàn bộ nghĩa vụ cho Ngân hàng.

3. Nếu ông T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo của ông T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông T2 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo Bản án/quyết định của Tòa án cho đến khi ông T2 thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn T2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị A vắng mặt nên không có quan điểm trình bày.

Kết quả xác minh với đại diện gia đình ông Phạm Văn T2, cơ sở Thôn T, xã C và Công an xã C, huyện Q thấy: Ông Phạm Văn T2 và bà Đoàn Thị A là vợ chồng, gia đình và cơ sở thôn không biết khoản vay của ông T2 nhưng khi Ngân hàng làm thủ tục thông báo tìm kiếm, Tòa án thụ lý vụ án thì gia đình và Cơ sở thôn biết ông T2 có vay tiền tại Ngân hàng và có thể chấp quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất. Từ khoảng cuối năm 2019, ông T2, bà A cùng các con không ai có mặt tại gia đình và địa phương, cũng không ai biết họ đi đâu làm gì, họ không liên lạc về với gia đình và địa phương. Nay Ngân hàng khởi kiện ông T2 phải trả khoản tiền vay chưa trả nếu không trả được thì Ngân hàng sẽ xử lý tài sản thế chấp theo quy định, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Viện kiểm sát không nhận xét về việc chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116,

117, 119, 293, 294, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 648 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q:

- Buộc ông Phạm Văn T2 phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng theo thoả thuận trong hợp đồng, ông T2 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2022 là: 502.937.671 đồng, trong đó: nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 145.763.014 đồng, lãi quá hạn 57.174.657 đồng.

- Trường hợp ông T2 chưa trả thì còn phải chịu xuất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 24/9/2022 cho đến ngày ông T2 trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 316,6m² đất ở, nhà ở 02 tầng mái bằng công trình phụ và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Phạm Văn T2 và bà Đoàn Thị A.

- Về chi phí tố tụng: Toàn bộ chi phí thẩm định, đo đạc nguyên đơn đã tự nguyện chịu cả nên HĐXX không giải quyết.

- Về án phí dân sự: Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn ông T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T2 trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín đã ký kết ngày 06/02/2018. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông T2 có nơi cư trú tại Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Bị đơn ông Phạm Văn T2 có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã C, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Tá, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Đoàn Thị A cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết, triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản thấy các hợp đồng này được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 317, 463 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Các hợp đồng này là hợp pháp, bị đơn pA có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

[3] Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 3406LAV201800694 với Ngân hàng NNPT– Chi nhánh huyện Q Bắc Thái Bình – Phòng giao dịch khu vực M (Ngân hàng) thì ông Phạm Văn T2 có vay của Ngân hàng số tiền gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 06/02/2018, ngày giải ngân 07/02/2018 nhưng ông T2 chưa trả được khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng nên còn nợ lại số tiền gốc là 300.000.000 đồng nên buộc ông T2 phải thanh toán tiền gốc cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

+ Cũng theo Hợp đồng tín dụng thì lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm. Từ ngày 09/02/2019, ông T2 không trả lãi cho Ngân hàng nữa nên ông T2 phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 09/02/2019. Tính đến ngày 23/9/2022, ông T2 còn nợ lại số tiền lãi là 202.937.671 đồng, do vậy ông T2 phải trả cho Ngân các khoản lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 688 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để đảm bảo cho các khoản vay trên ông T2 đã thế chấp cho quyền sử dụng 316,6m² đất ở, nhà ở 02 tầng mái bằng công trình phụ và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Phạm Văn T2 và bà Đoàn Thị A, có hợp đồng thế chấp và đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 317, 319 và Điều 298 Bộ luật Dân sự. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với Điều 293, Điều 299, Điều 320 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn - ông Phạm Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp với khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại Ngân số tiền tạm ứng án phí đã nộp

[6] Về chi phí tố tụng: Số tiền thẩm định, đo đạc 3.400.000 đồng, nguyên đơn đã tự nguyện chịu và đã nộp đủ nên HĐXX không giải quyết.

[7] Từ những định nêu trên nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 317, 319, 320, 323, 293, 298 và 299 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Q, Bắc Thái Bình đối với ông Phạm Văn T2 về việc thực hiện hợp đồng số 3406LAV201800694 với Ngân hàng NNPT– Chi nhánh huyện Q Bắc Thái Bình – Phòng giao dịch khu vực M (Ngân hàng) ngày 06/02/2018.

2.Buộc ông Phạm Văn T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/9/2029: tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 145.763.014 đồng, lãi quá hạn 57.174.657 đồng, tổng cộng 502.937.671 đồng (*Năm trăm linh hai triệu chín trăm ba bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng*).

Kể từ ngày 24/9/2022, ông Phạm Văn T2 còn pA tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3.Trường hợp ông Phạm Văn T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp 316,6m² đất ở, nhà ở 02 tầng mái bằng công trình phụ và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Phạm Văn T2 và bà Đoàn Thị A.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Văn T2 tiếp tục pA có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn T2 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông T2 hết nghĩa vụ với Ngân hàng.

4. Về án phí:

Ông Phạm Văn T2 phải chịu 24.117.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm mười bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Q, Bắc Thái Bình số tiền tạm ứng án phí 10.448.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004605 ngày 04/3/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pA thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Văn T2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Q;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)